

PROSE IN VIETNAMESE LITERATURE UNDER THE PERSPECTIVES OF GENRE PERFORMANCE

Nguyen Thi Ha^a

Nguyen Dinh Nghia^b

^aThanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: nguyenthiha@dvttdt.edu.vn

^bThanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: nguyendinhnghia@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/9/2024

Ngày phản biện: 21/9/2024

Ngày tác giả sửa: 05/02/2025

Ngày duyệt đăng: 21/4/2025

Ngày phát hành: 29/4/2025

In the study of the historical formation and development of the prose, we find various opinions regarding the naming of this genre. This genre has a complex appearance, status, and characteristics, with many similarities to other genres. The term "prose" has appeared early in literary research and specifically in genre studies. The entry "prose" is found independently in literary dictionaries, terminology dictionaries, and genre dictionaries in both the East and West, including Vietnam. Research and practice show that the prose truly is a unique genre with distinct characteristics, and from the perspective of genre performance, the prose is an independent literary form.

Keywords: Prose; Genre; Literary evolution.

1. Giới thiệu

Có thể nói, tản văn là thể loại có nguồn gốc lịch sử, quá trình nghiên cứu và thực tiễn sáng tác độc đáo. Tuy là thể loại có hơn một trăm năm lịch sử tồn tại và phát triển nhưng việc định hình và coi tản văn là tên gọi của một thể loại văn học không phải dễ dàng. Theo lịch sử và tiến trình nghiên cứu thể loại tản văn, có nhiều quan niệm khác nhau về tên gọi, việc hình thành và phát triển, vận động qua các giai đoạn văn học đến sự phát triển “bùng nổ” như hiện nay... tạo nên sự nghiên cứu đa chiều nhưng xuyên suốt và ngày càng khẳng định vị thế của tản văn thông qua đặc trưng cơ bản và thành tựu sáng tác của tản văn.

Mặc dù ngay từ khi xuất hiện, tản văn đã là thể loại có đặc điểm phức hợp, khó định hình theo đặc điểm thể loại cụ thể. Nhiều nghiên cứu cho rằng, dưới góc độ thể loại, tản văn theo chiều hướng pha lẫn đặc điểm của thể ký, văn chính luận và văn chương hư cấu. Khi tiến hành phân tích diện mạo và vị thế tản văn trong hệ thống thể loại, hầu hết các nhà nghiên cứu nghiêng về hướng khẳng định tản văn thuộc về ký. Theo đó, ký là thể loại lớn, bao gồm thể tản văn và nhiều loại khác.

Từ những năm 60 của thế kỉ XX cho đến tận văn sau năm 1986, dần dần thể loại tản văn mới tồn tại và phát triển như một thể loại độc lập, có đời sống sáng tác phong phú, thậm chí còn là “thời của tản văn” và khẳng định đặc trưng thể loại. Đặc biệt, trong dòng chảy phát triển văn học Việt Nam hiện đại, tản văn không phải là những chuyện lan man hay là thể loại chỉ dành cho các cây bút nghiệp dư, thậm chí còn bị “lãng quên suốt cả một thế kỉ - thế kỉ XX” (Trần Đình Sử). Các tác phẩm tản văn hiện đại đã tạo nên nhiều đổi thay trong nhận thức về thể loại và xác định vị thế của nó trong nền văn học. Thành tựu về mặt sáng tác không chỉ thể hiện sâu sắc, phong phú hiện thực đời sống, thể hiện đa dạng thông điệp ý nghĩa qua hình tượng cái tôi tác giả phản ánh bức tranh xã hội mà còn khẳng định giá trị về mặt thể loại mang tính đặc trưng riêng biệt qua kết cấu, ngôn ngữ, giọng điệu, phong cách nghệ thuật.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu về tản văn dưới góc độ thể loại là nghiên cứu sự hình thành tên gọi mang tính định danh một khái niệm cụ thể trong văn học. Việc gọi tên thể loại “tản văn” đã xuất hiện trong nhiều công trình nghiên cứu ở phương Đông (tiêu biểu là Trung Quốc), phương Tây và Việt Nam. Hầu hết đều đã nghiên cứu tản văn dưới quan niệm là một thể văn riêng biệt, có tên loại.

Có thể nói, Trung Quốc là nền văn học có bề dày truyền thống về thực tiễn sáng tác cũng như nghiên cứu về thể loại của tản văn, bởi tản văn ở đây ra đời từ rất sớm. Giới nghiên cứu Trung Quốc cũng có sự quan tâm và giới thuyết về thể loại này. Trong lịch sử nghiên cứu thể loại tản văn, nhiều trường phái, quan điểm được thể hiện rõ qua nhiều công trình nghiên cứu nổi bật như: Lưu Hiệp trong cuốn *Văn tâm điều long*; Đàm Gia Kiện trong cuốn *Trung Quốc cổ đại tản văn sử khảo*; Trần Đình Sử trong công trình nghiên cứu *Trung Quốc văn học sử*; Phạm Thị Hào trong *Khái niệm và thuật ngữ lý luận văn học Trung Quốc*, Vương Kiến Huy trong *Tinh hoa tri thức văn hóa Trung Quốc*, Lưu An Hải và Tôn Văn Hiến trong giáo trình *Lý luận văn học...* Trong nhiều công trình đã công bố trước đó, chúng tôi đã khảo sát các công trình nghiên cứu ở Trung Quốc từ thời cổ đại với nhiều quan điểm khác nhau theo thời gian. Có thể nói, tản văn là thể loại được định hình sớm nhất trong các nghiên cứu của Trung Quốc. Ban đầu, tản văn được coi là thể loại chỉ văn xuôi nói chung, và khi đó Trung Quốc phân chia thể loại văn học chỉ thành hai loại: Thơ và văn xuôi (tản văn). Tuy nhiên, việc định danh thành một mục từ riêng hoặc thể loại vẫn chưa được “công khai” trong tài liệu nghiên cứu. Sau đó, khái niệm tản văn cụ thể hoá hơn, được hiểu là bao gồm tất cả các thể loại văn xuôi khác nhưng ngoài truyện, thơ, kịch. Giới nghiên cứu liệt kê các thể văn xuôi như: tạp văn, tùy bút, bút ký, phóng sự... đều thuộc thể loại tản văn, có thể gọi chung thuật ngữ tản văn. Mãi về sau này, thể loại tản văn mới dần biến đổi theo hướng thu hẹp dần nội hàm, trở thành một thể loại độc lập.

Ở Phương Tây, vào năm 1580 thế kỷ XVI thuật ngữ tản văn được biết đến với tập *Essais* của nhà văn Michel Eyquem de Montaigne (1533 - 1592). Thuật ngữ này được các giới dịch thuật quan tâm, đề cập đến tản văn như để chỉ các khái niệm về tiểu phẩm, tản văn, tạp văn, tiểu luận... Sau đó, tác giả Aristotle trong công trình *Nghệ thuật thi ca* cũng giới thuyết về việc sử dụng thuật ngữ tản văn trong phản ánh hiện thực và khẳng định tản văn là một thể loại quan trọng của văn học hiện đại được nhiều nhà văn, nhà triết học sử dụng. Thậm chí tản văn đã khẳng định vị thế bằng sự đóng góp của nhiều nhà văn lớn như: Danis Diderot, Voltaire, Doris

Lessing... Đúng như nhận định “trên thế giới các nhà khoa học, toán học, triết học như: Bacon, Pascal, Montaign... đều là tác giả văn nổi tiếng thế giới” [9, tr.3].

Ở Việt Nam, khái niệm tản văn được nghiên cứu dưới nhiều góc độ thể loại. Thời trung đại, sự ảnh hưởng sâu sắc của văn học Trung Quốc đã tác động và gần như ấn định kết quả nghiên cứu tương đồng với Trung Quốc. Theo đó, tản văn được dùng theo nghĩa văn xuôi, để phân biệt với các thể loại văn học cổ như: biên văn và vận văn (văn biên ngẫu và văn vận). Nhiều giáo trình lý luận văn học ở nước ta như *Lý luận văn học* của Trần Đình Sử, *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê... Từ thực tế khảo sát tác phẩm hiện nay cho thấy, mặc dù có nhiều tên gọi khác nhau, nhiều sách thể hiện dự ý của tác giả ngay trang bìa với các tên gọi như: tạp văn, tạp bút... nhưng hình thức thể hiện, nội dung phản ánh đều mang đặc trưng của tản văn. Hiện nay ở Việt Nam, khái niệm tản văn tuy vẫn còn nhiều điểm chưa thống nhất và cần bàn bạc, nhưng về cơ bản, tản văn đã trở thành tên gọi chính thức cho một thể loại văn học có đặc trưng loại hình nhất định. Chúng tôi đồng tình với định nghĩa về thể loại tản văn của *Từ điển thuật ngữ văn học* “tản văn là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc, có thể là trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả phong cảnh, khắc họa nhân vật. Lối thể hiện đời sống của tản văn mang tính chất chấm phá không nhất thiết đòi hỏi có cốt truyện phức tạp, nhân vật hoàn chỉnh nhưng có cấu tứ độc đáo, có giọng điệu, cốt cách cá nhân. Điều cốt yếu là tản văn tái hiện được nét chính của các hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội, bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý nghĩa mang đậm bản sắc cá tính của tác giả” [6, tr.293].

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

** Cách tiếp cận*

Hướng tiếp cận chính của chúng tôi khi nghiên cứu vấn đề này là nghiên cứu về thi pháp thể loại. Đặt tản văn là một đối tượng nghiên cứu trong diễn trình thể loại văn học, dưới góc độ thể loại.

Sự hình thành và phát triển của tản văn trong diễn trình thể loại văn học, từ quan niệm về tản văn qua các giai đoạn lịch sử đến bản chất của tản văn, hình thức biểu đạt, nội dung hiện thực... Từ đó khẳng định tản văn là một tập hợp mang tính loại hình được khu biệt, định hình với những đặc trưng của một thể loại văn học độc lập.

** Phương pháp nghiên cứu*

- *Phương pháp nghiên cứu lịch sử - xã hội*: Chúng tôi sử dụng phương pháp này để nghiên cứu sự hình thành, vận động và phát triển của tản văn qua từng giai đoạn lịch sử; Các điều kiện ảnh hưởng, chi phối về lịch sử, văn hóa, xã hội tác động đến tản văn.

- *Phương pháp loại hình học*: Phương pháp này được sử dụng nhằm xác định đặc điểm của tản văn so với các thể loại văn học khác. Phương pháp này còn dùng để phân loại, lựa chọn và xác định đặc trưng chung của từng nhóm chủ đề, nội dung, chứng minh rằng thể tản văn đã xuất hiện, tồn tại trong tiến trình phát triển văn học với đầy đủ đặc điểm, cấu trúc cần có như một thể loại văn học độc lập.

- *Phương pháp so sánh, đối chiếu*: Với mục đích nghiên cứu đối sánh về thể loại, thực tế vận động và phát triển của tản văn; đối sánh tác giả, tác phẩm thể hiện qua số lượng, nội dung và nghệ thuật biểu hiện, qua đó chúng tôi đưa ra nhận định về đặc điểm riêng biệt mang tính định hình thể loại của tản văn.

Ngoài ra, chúng tôi cũng sử dụng các thao tác nghiên cứu mang tính hỗ trợ như: phân tích, tổng hợp, khái quát... nhằm làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Sự hình thành của tản văn trong diễn trình thể loại

Ở Việt Nam, có thể nói tản văn là một trong những thể loại văn xuôi xuất hiện từ rất sớm. Dần dần, do nhu cầu của xã hội hiện đại, sự phù hợp của thể loại tản văn với đời sống văn hoá, xã hội và báo chí đã giúp cho thể loại này trở nên gần gũi, phát triển mạnh mẽ, khẳng định vị trí của mình với tư cách thể loại độc lập.

Có thể khái quát sự hình thành thể loại tản văn như sau:

- Điều kiện nội tại

Có thể nói, sự ra đời của Bộ chữ quốc ngữ đã thúc đẩy từ trong nội tại một nền văn chương học thuật mới. Người được coi là đã có công “đặt những viên đá đầu tiên cho nền văn học mới” là Nguyễn Văn Vĩnh. Cuối thế kỉ XIX, chữ quốc ngữ thâm nhập vào Nam Bộ và sau đó, cả ở ba miền Bắc, Trung, Nam dùng văn tự chủ yếu là chữ quốc ngữ. Nguyễn Văn Vĩnh đã tích cực sáng tác, dịch thuật góp phần thúc đẩy phong trào học chữ quốc ngữ và gây dựng cho một nền văn chương viết bằng chữ quốc ngữ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. Có thể nói, chữ quốc ngữ đã trở thành “Phương tiện hiệu quả nhất cho công cuộc hiện đại hóa văn chương” [8, tr.11]. Tác phẩm đầu tiên của Nguyễn Trọng Quản viết Truyện Thầy Lazarô Phiền với mục đích cho quen mặt chữ với chủ trương “lấy tiếng mọi người hằng nói mà làm ra”. Nếu trong văn học cổ đời sống văn học các thể thơ ca, phú lục được khẳng định vị thế thượng tôn, thể văn xuôi không được coi trọng và cũng không có thành tựu nổi bật thì bước vào thời đại mới, với nhiều dấu ấn mới vị trí của thể loại văn xuôi dần được coi trọng, trong đó có tản văn. Tản văn hiện đại viết bằng chữ quốc ngữ ngay từ khi xuất hiện đã dần hình thành một lối văn mới, từ sự thể nghiệm, thử bút của nhiều nhà văn, trong đó người được coi là tiên phong là Tản Đà. Tản văn hiện đại sau này được đa tăng vọt về số lượng tác giả, tác phẩm.

- Đời sống báo chí đầu thế kỉ XX

Sự xuất hiện của chữ quốc ngữ đã thúc đẩy và trở thành công cụ cho sự ra đời của báo chí và ngược lại. Báo chí đã đem đến cho văn học phương thức mới trong sáng tạo và thưởng thức các giá trị văn hóa, văn nghệ. Tản văn bắt đầu là sự lựa chọn của nhiều cây bút muốn trải nghiệm và đi theo con đường nghệ thuật mới. Mỗi quan hệ giữa báo chí và tản văn có thể nói là đồng hành, bởi báo chí không chỉ là nơi truyền tải các tác phẩm tản văn mà còn là phương tiện quảng bá, là môi trường sáng tác cho tản văn.

Báo chí là môi trường, điều kiện thúc đẩy tản văn phát triển. Đặc trưng của tản văn là ngắn gọn, hàm súc và truyền tải thông tin nhanh. Các vấn đề đề cập trong tản văn cũng là những vấn đề thời sự nóng hổi, mang tính xã hội, phù hợp với ngôn ngữ thông tấn, báo chí. Nhiều báo chí còn dành mục riêng cho thể loại tản văn ngắn. Do vậy, báo chí tạo cơ hội phát triển cho tản văn đến với công chúng.

- Ý thức về cái tôi cá nhân

Xã hội hiện đại kéo theo tác động của nó đến tư tưởng của con người hiện đại, đặc biệt là cái tôi cá nhân được ý thức sâu sắc hơn. Ý thức cá nhân đặt vấn đề giải phóng cá tính, tôn trọng nhân cách, phát huy tính tự do, ý chí dân chủ... Ý thức cá nhân đã có trong truyền thống

văn học Việt Nam thế kỉ XVIII - XIX, giờ đây có sự ảnh hưởng từ phương Tây, càng được khuyến khích bởi thị hiếu của một lớp độc giả mới được hình thành. Văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX đã ghi nhận những thành tựu nổi bật mà khuynh hướng của nó là bênh vực tự do cá nhân, khẳng định cái “tôi” một cách quyết liệt trên cả hai phương diện nội dung và hình thức đó là: Tự lực văn đoàn và Thơ mới. Tình hình như trên thực sự là một điều kiện thuận lợi khuyến khích sự nảy nở và phát triển của các thể loại có tính tự do, ít chịu ràng buộc bởi những phép tắc, lễ lối in dấu đậm nét cá tính của cái tôi nghệ sĩ như thể loại tản văn. Có thể nói, nếu không có sự giải phóng của cái tôi cá nhân hiện đại này, sẽ khó có thể xuất hiện các sáng tác tản văn. Bởi nếu bản thể người sáng tạo cứ phải ẩn dấu mình trong những vỏ bọc của nghĩa vụ, cương thường, của cái chung, cái ta, thì có lẽ không bao giờ có một thể loại nhà văn dám trần mình, trực tiếp bày tỏ ý kiến, cảm xúc của mình về thế giới, con người và chính mình như tản văn.

- Quy luật văn học buổi giao thời của văn học

Xem xét đời sống thể loại nửa đầu thế kỉ XX các nhà nghiên cứu có nhắc tới một quy luật: đó là sự pha trộn, sự ảnh hưởng thâm nhập lẫn nhau giữa các loại thể. Những thập niên đầu thế kỉ XX văn học đang chuyển mình sang phạm trù hiện đại, sự pha trộn Đông Tây, cũ mới càng trở nên rõ rệt. Thực tế cho thấy thời kì này có những cuộc “xâm lăng” của văn xuôi “vào thơ, kịch vào thơ, thơ vào văn xuôi, thơ vào kịch, phóng sự vào tiểu thuyết... Có lẽ tản văn trong thời điểm mà nó ra đời cũng là sự kết hợp của nhiều yếu tố để tạo ra hiệu quả giao tiếp tốt nhất khi nhà văn tự biểu lộ bản thân mình. Một bộ phận tản văn đầu thế kỉ được coi là sự pha trộn đặc điểm loại hình của một số thể loại văn xuôi chữ Hán với một hình thức văn tự mới mà kèm theo đó là những thay đổi trong hệ thống quan niệm văn học. Mặt khác tản văn hiện đại còn kết hợp trong mình nó âm hưởng của những tiểu luận tư tưởng phương Tây từng ảnh hưởng vào Việt Nam qua sách báo Pháp hoặc bằng con đường tân thư tân văn.

Trong hệ thống thể loại văn học truyền thống phương Đông có một số thể văn như tựa, bạt, kí, luận thuyết... là những thể văn xuôi viết bằng chữ Hán. Đây có thể coi là tiền thân của tản văn hiện đại. Trong ý thức sáng tạo của những người đi tiên phong mà rất nhiều trong số họ đều có gốc Hán học như Tản Đà, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Bá Trác... không thể không kể đến những ảnh hưởng của những thể văn này. Hai khả năng của văn học Việt Nam buổi giao thời mà Trần Đình Huợ nói tới là cách tân dần dần nền văn học truyền thống để đi tới văn học hiện đại và học tập văn học cận, hiện đại ở phương Tây, theo hệ thống thể loại của nền văn học ấy để xây dựng nền văn học mới. Đa số những sáng tác tản văn buổi đầu ở vào khả năng thứ nhất. Bóng dáng của những thể như tạp thuyết, tạp cảm hay tạp kí có thể tìm thấy ở khá nhiều tác phẩm tản văn đầu thế kỉ XX ở Việt Nam. Đặc biệt là Tản Đà người đi đầu trong sáng tác tản văn hiện đại. Khi nghiên cứu văn những sáng tác tản văn Tản Đà, trong cách thức biểu hiện có khá nhiều dấu vết của thể loại luận thuyết. Trong mạch nguồn văn học dân tộc, tản văn hiện đại là sự tiếp nối những thể loại văn xuôi chữ Hán có khả năng biểu hiện rõ nét cái tôi chủ thể của người viết. Khác với các thể văn có tính chất hư cấu nhiều tác phẩm thuộc thể loại như tùy bút, luận thuyết, ký, tựa... biểu lộ trực tiếp và chân thật bản tướng của người cầm bút, là yếu tố sẽ được phát huy ở tản văn hiện đại sau này. Mặt khác, cũng cần phải kể đến những tác động của văn học phương Tây nhất là tư tưởng và cách bộc lộ ý kiến riêng trong những tiểu luận xã hội của các triết gia thời khai sáng như

Voltaire, Diderot... đến thế hệ cầm bút đầu tiên của văn hiện đại. Sự tác động này có thể gián tiếp qua sách báo Tân thư đối với những cựu học như Tân Đà hoặc trực tiếp đối với những tri thức xuất thân Tây học như Nguyễn Văn Vĩnh, Hoàng Tích Chu... Sự ảnh hưởng này chủ yếu từ phương diện giải phóng tư tưởng một cách tự do, thể hiện những cảm xúc và những kiến giải cá nhân trong những tác phẩm văn xuôi giàu tính văn học. Như vậy từ hai nguồn ảnh hưởng chính kể trên, văn trong giai đoạn phôi thai đã mang trong mình những yếu tố của truyền thống văn học phương Đông và màu sắc của văn học phương Tây.

Như vậy, sự hình thành thể loại văn một mặt có gốc rễ từ một số điểm đặc thù của văn hóa - xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX, mặt khác do sự vận động của bản thân đời sống văn học buổi giao thời. Sự ra đời của văn báo hiệu những nhu cầu mới của con người hiện đại. Trải qua năm tháng, qua từng giai đoạn văn học đến nay văn ngày càng được độc giả đón nhận bởi những đặc trưng của thể loại này.

4.2. Vấn đề thuật ngữ “Tản văn” – nhận diện và bản chất thể loại

Trong tiến trình lịch sử nghiên cứu văn học Việt Nam, sự phức tạp trong xây dựng khái niệm, ranh giới khái niệm và định danh thể loại luôn được các nhà nghiên cứu trao đổi, thảo luận và nhìn nhận dưới nhiều góc độ. Với tản văn, có nhiều hướng nghiên cứu khác nhau về thể loại văn học, nhưng có thể ghi nhận tản văn với ba cấp độ:

- (1) Tản văn theo nghĩa là văn xuôi;
- (2) Tản văn là những thể loại ngoài truyện, thơ, kịch
- (3) Tản văn là một thể loại văn học độc lập;

4.2.1. Tản văn theo nghĩa là văn xuôi

Trong nhiều nghiên cứu của nước ta vào những đầu thế kỷ XX, nhiều giáo trình lý luận văn học ở nước ta cũng phân loại văn học thành thơ ca, tiểu thuyết, kịch, tản văn. Tản văn ở đây bao gồm “một số loại văn xuôi ngoài tiểu thuyết và kịch như đặc tả tùy bút, phóng sự, tạp văn...” [2, tr. 79]. Trong văn học cổ, tản văn bao gồm các “văn bản, kinh, truyện, tử tập như Mạnh Tử, tả truyện, sử kí, các bài kí như Đào hoa nguyên kí của Đào Uyên Minh, các bài biểu, chiếu, cáo, hịch” [6, tr.293], thư, phú, văn, như Điều cỗ chiến trường của Lí Hoa, Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo. Nhìn chung tản văn trong văn học trung đại Việt Nam có thể nhận định là “nghèo” về số lượng tác giả, tác phẩm; các công trình nghiên cứu dưới góc độ thể loại thì mới được đánh đồng với các tên gọi khác như tạp văn, đoản văn, tạp bút, tạp luận, tiểu luận...

Trong văn học hiện đại, tản văn bao gồm các “thể kí, tùy bút, tiểu phẩm, văn chính luận, tạp văn, ngụ ngôn, chân dung văn học...” [6, tr.294]. Tản văn là loại văn tự do, dài ngắn tùy ý, cách thể hiện đa dạng đặc biệt là thể hiện nổi bật chính kiến của tác giả, có truyền thống lâu đời và sức sống mạnh mẽ. Theo từ điển Hán Việt, Đào Duy Anh định nghĩa: tản văn là văn xuôi không có vần [1, Tr.233]. Trong cuốn *Năm bài giảng về thể loại*, Hoàng Ngọc Hiến quan niệm “Tản văn là một loại kí ngắn gọn, hàm súc theo tùy hứng của tác giả có thể bộc lộ trữ tình, tự sự hoặc nghị luận, thường có mấy thứ đan quện vào nhau” [7, Tr.31].

Đặc điểm nhận diện về tản văn trước hết là những tác phẩm văn xuôi ngắn gọn, hàm súc liên quan đến các vấn đề xã hội, chính trị, văn hóa hay lịch sử. Tính luận chiến được thể hiện rõ nét trong các tác phẩm tản văn hiện đại. Tính chất ngắn gọn của tản văn có được trước hết do là do tản văn thường có cấu tứ dựa trên một tín hiệu trung tâm và xoay quanh một ý tưởng

trọng tâm. Cấu tứ dựa trên một hình ảnh trung tâm như vậy nên tản văn thường không dàn trải, dung lượng không quá lớn, chủ yếu là những tác phẩm có quy mô nhỏ gọn. Mỗi tác phẩm tản văn thường biểu hiện một ý tưởng nhất định nhưng cũng có những tác phẩm triển khai một hệ thống hình ảnh, chi tiết có vai trò tương đương. Các hình ảnh, chi tiết thường cùng loại hay trên cùng một bình diện, thường quy chiếu trong một chủ đề.

So với các thể loại văn xuôi khác, như hình ảnh chi tiết trong tản văn có một tầm quan trọng đặc biệt hơn. Nếu ở tiểu thuyết, nhân vật và cốt truyện là yếu tố tiên quyết thì tản văn toàn bộ thần cốt của nó nằm ở chi tiết và hình ảnh. Ở tản văn chi tiết và hình ảnh được tinh lọc, đó là những tín hiệu nghệ thuật mang chứa những mã tinh thần chính vì vậy nó hàm súc và giàu sức gợi. Điều này giúp cho tản văn vừa hàm súc trong hình ảnh, chi tiết, lại vừa có giàu chất thơ, nặng sức lan toả. Trong tản văn không đòi hỏi phải có cốt truyện hay phải sáng tạo những nhân vật hoàn chỉnh. Có thể nói đây là thể loại văn xuôi không có cốt truyện. Bản chất tản văn không phải tái hiện những bức tranh đời sống, xây dựng một thế giới tạo hình tự phát theo quy luật riêng giống như các thể tự sự.

4.2.2. Tản văn là những thể loại ngoài truyện, thơ, kịch

Trước nay, ở Việt Nam thuật ngữ tản văn vẫn được dùng theo nghĩa “văn xuôi” và nó còn được xếp vào nhóm từ cổ, ít dùng. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát một số từ điển văn học, từ điển tiếng Việt hiện hành gần như không có mục từ “tản văn”, hoặc nếu có thì được giải nghĩa là “văn xuôi”. Quan niệm này cơ bản chịu ảnh hưởng của văn học Trung Quốc khi phân chia các thể loại văn học căn cứ vào hình thức câu văn. Theo đó, tản văn “tản văn” có nghĩa là văn xuôi, phân biệt với “vận văn” - văn vần và “biền văn” - văn biền ngẫu. Vì thế những sáng tác không phải là thơ, từ, phú, khúc... đều được gọi là tản văn. Nghĩa là những thể loại ngoài truyện, thơ, kịch đều có thể được coi là tản văn.

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê quan niệm tản văn là “văn xuôi, loại văn gồm các thể kí và các thể văn khác, ngoài truyện, thơ và kịch” [9, tr. 857]. Theo đó, tản văn có 2 nghĩa: 1 (cũ) văn xuôi, 2: loại văn gồm các thể kí, tùy bút...

Bộ *Đại từ điển tiếng Việt* phát hành năm 2011 tách thể tản văn khỏi truyện và dần nghiêng về phía xác định tản văn như một thể loại đứng bên cạnh những thể loại lớn khác. Đặt tản văn “ngang hàng với thơ, kịch, tiểu thuyết” nhưng hẹp hơn văn xuôi, nó không bao gồm các loại truyện hư cấu, bản thân nó có mối quan hệ đặc biệt với thể ký.

Cuốn *Khái yếu lịch sử văn học Trung Quốc* của Nxb Đại bách khoa toàn thư của Trung Quốc đã nói rõ: “Trong quan niệm văn học truyền thống của Trung Quốc, còn có một thể văn quan trọng: tản văn - văn xuôi; cũng là văn học chính tông xếp ngang hàng với thơ từ”. Trong lịch sử văn học Trung Quốc, tản văn bao giờ cũng được khảo sát với tư cách là một thể loại lớn.

Nhiều nghiên cứu cho rằng, tản văn được đặt song song với các thể loại khác như: thơ, kịch, tiểu thuyết. Nó tương đương với văn xuôi nhưng lại hẹp hơn văn xuôi, bởi không bao gồm các loại truyện hư cấu, bản thân tản văn có mối quan hệ đặc biệt với thể ký. Nhiều nghiên cứu còn cho rằng tản văn là một loại ký, có người cho rằng ký chỉ bao gồm một phạm vi hẹp hơn tản văn. Theo nghĩa rộng, tản văn là văn xuôi, đối lập với vận văn (văn vần). Trong văn học cổ các áng văn xuôi không viết theo văn biền ngẫu như kinh, truyện, sử, tập,

biểu, chiếu, cáo, hịch, phú, minh, luận đều là tản văn. Theo nghĩa hẹp, tản văn là tác phẩm văn xuôi ngắn gọn, hàm súc, giàu khả năng khơi gợi với kết cấu có sự kết hợp linh hoạt tất cả các phương thức, phương tiện biểu hiện nghệ thuật, nội dung thường thể hiện đời sống theo kiểu chấm phá và đặc trưng quan trọng nhất là nó thể hiện đậm nét dấu ấn cá nhân của người cầm bút. Tuy nhiên, việc phân chia ranh rới giữa các thể loại ký nói trên cũng không tuyệt đối, luôn có tình trạng chuyển hóa, thâm nhập lẫn nhau. Do vậy, vẫn có quan niệm tản văn là những thể loại ngoài truyện, thơ, kịch.

4.2.3. Tản văn là một thể loại văn học độc lập

Văn học Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn với nhiều biến cố thăng trầm đi cùng lịch sử. Mỗi một giai đoạn văn học đều cho ra đời những thể loại nhất định. Tản văn là một thể loại văn học ra đời từ những thập kỉ đầu thế kỉ XX. Mặc dù khai sinh sớm nhưng ít ai để tâm đến thể loại này bởi diện mạo, đặc trưng chưa được định danh một cách rõ ràng. Đất nước Việt Nam từ sau năm 1986 với sự đổi mới trên hầu hết mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội... kéo theo sự thay đổi rõ nét trong thực tiễn sáng tác và nghiên cứu, phê bình văn học. Các thể loại văn học đều có điều kiện để phát triển, trong đó có tản văn. Từ chỗ tản văn được cho là những chuyện tào lao, lan man, chỉ dành cho các cây bút nghiệp dư, những nhà văn không chuyên, hay tản văn dễ dàng đi vào quên lãng, sau năm 1986, tản văn dần khẳng định vị thế của mình. Chính sự phát triển của công nghệ thông tin, nơi cái nhanh gọn, dễ nắm bắt, dễ triển khai là quy tắc hàng đầu của mọi kênh “phát” và “nhận” giúp tản văn có cơ hội giành lấy vị thế mới.

Khi xác định tản văn là một thể loại văn học riêng biệt, tản văn cần đặt nó trong tương quan với các thể loại khác để làm nổi bật đặc trưng của thể loại. Nhiều nhà nghiên cứu đã bước đầu nhận diện đặc điểm cơ bản của thể loại này, tiêu biểu là: Trần Đình Sử, Lê Bá Hán, Hoàng Ngọc Hiến... Theo đó, các nhà nghiên cứu đều khẳng định: Tản văn là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc; Phương thức biểu hiện của tản văn là tự sự, trữ tình hoặc nghị luận, miêu tả phong cảnh, khắc họa nhân vật...; Tản văn thể hiện sự chấm phá, phi cốt truyện, mang ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc; Tản văn có cá tính sáng tạo, cấu tứ độc đáo, giọng điệu riêng. Đó là những kết quả nghiên cứu chung, hình thành nên đặc điểm thể loại tản văn.

Trong những chặng đầu của văn học hiện đại Việt Nam, tản văn đã xuất hiện và nhận được nhiều đón nhận của độc giả với các tác phẩm của Tản Đà, Đạm Phương, Nguyễn Bá Trắc, Huỳnh Thúc Kháng... Sự phát triển của tản văn đã góp phần tạo nên diện mạo của văn học Việt Nam. Từ thế kỷ XIX, đặc biệt là sau năm 1986, đất nước sang trang mới với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội mới, văn học và thể tản văn nói riêng cũng có nhiều biến động.

Bối cảnh xã hội mới đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện nhiều phong cách tản văn mới mẻ, độc đáo và hấp dẫn. Tản văn từ năm 1986 đến hết thế kỷ XX được coi là thời kỳ khởi sắc; từ đầu thế kỷ XXI đến nay được coi là thời kỳ bùng nổ, là “thời của tản văn”. Với tư cách là một thể văn xuôi quan trọng trong nền văn học hiện đại, tản văn từ năm 1986 đến nay đã khẳng định vai trò không nhỏ trong sự phát triển văn học Việt Nam thời kì từ sau Đổi mới. Thành tựu của tản văn không chỉ là tạo cho mình một vị trí của một thể loại độc lập, mà còn là một thể loại kịp thời phản ánh hiện thực đời sống. Tin rằng tản văn sẽ phát triển hơn nữa bởi ưu thế trong việc tiếp cận linh hoạt, thời sự và tương tác qua lại.

5. Thảo luận

Chúng tôi chọn tản văn để nghiên cứu dưới dạng một thể loại cụ thể, có đặc trưng loại hình nhất định xuất phát từ hai căn cứ cơ bản: Thứ nhất là hiện nay, tản văn được dùng để chỉ một thể loại văn học xác định, được đưa vào từ điển thuật ngữ văn học với tư cách là một thể loại. Hai là, trong thực tiễn sáng tác của văn học Việt Nam hiện đại, các nhà văn đã dùng từ tản văn để định danh thể loại cho sáng tác của mình, qua đó thể hiện quan điểm coi tản văn là thể loại văn học độc lập, có vị trí về mặt thể loại ngang hàng với các thể loại khác. Tuy nhiên, về nguồn gốc và quá trình phát triển, tản văn vẫn là thể loại xuất hiện sớm, ra đời do biến động và nhu cầu của xã hội. Trong quá trình vận động đó, tản văn vẫn là thể loại còn nhiều băn khoăn, gọi mở như tản văn báo chí... Do vậy, bài viết này nghiên cứu tản văn dưới góc nhìn thể loại, đặt nó trong tương quan với các thể loại khác để nhận ra những tương đồng và khác biệt.

6. Kết luận

Có thể khẳng định, tản văn là một thể loại văn xuôi hiện đại, thích ứng với những nhu cầu biểu hiện của con người thời hiện đại. Trong hệ thống thể loại văn học, tản văn tuy có quan hệ gần gũi với một số thể loại khác nhưng tản văn là thể loại có những đặc trưng riêng. Chúng tôi đã phân biệt nó với các thể loại khác, đồng thời khẳng định tản văn là một thể loại độc lập, có một vị trí riêng trong hệ thống thể loại văn xuôi hiện đại. Đặt tản văn trong môi trường sinh thái văn hóa sau đổi mới, chúng ta thấy sự ổn định của thể loại trong diện mạo đa chiều. Tản văn hình thành, vận động phát triển, tạo được sự khởi sắc mới. Trong tương lai, tản văn sẽ ngày càng định vị được vị trí của mình trong thể loại trong đời sống văn học đương đại.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đào Duy Anh (1996), *Từ điển Hán Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2]. Trần Văn Bính, Nguyễn Xuân Nam, Hà Minh Đức (1970), *Cơ sở lý luận văn học*, tập III (loại thể văn học), tài liệu dùng trong nội bộ các trường Đại học Sư phạm, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Phan Văn Các, Lại Cao Nguyên (1990), *Sổ tay từ Hán Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4]. Đinh Trí Dũng (chủ biên) (2020), *Ký Việt Nam đương đại*, Nxb Đại học Vinh, Nghệ An.
- [5]. Phan Cự Đệ (chủ biên) (2004), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [7]. Hoàng Ngọc Hiến (1992), *Năm bài giảng về thể loại*, Trường Viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
- [8]. Phương Lựu (chủ biên) (2008), Nguyễn Nghĩa Trọng, La Khắc Hòa, Lê Lưu Oanh, *Lí luận văn học* (tập 1), Nxb Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
- [9]. Lê Trà My (tuyển chọn) (2011), *Tản văn hiện đại Việt Nam*, Nxb Hải Phòng, Hải Phòng.
- [10]. Hoàng Phê (2007), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [11]. Trần Đình Sử, Phương Lựu, Nguyễn Xuân Nam (1987), *Lí luận văn học*, tập II (tác phẩm văn học), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

TẢN VĂN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM – TỪ DIỄN TRÌNH THỂ LOẠI

Nguyễn Thị Hà^a

Nguyễn Đình Nghĩa^b

^aTrường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: nguyenthiha@dvttdt.edu.vn

^bTrường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: nguyendinhnghia@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/9/2024

Ngày phản biện: 21/9/2024

Ngày tác giả sửa: 05/2/2025

Ngày duyệt đăng: 21/4/2025

Ngày phát hành: 29/4/2025

Trong diễn trình nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của thể loại tản văn, chúng tôi thấy có nhiều quan điểm khác nhau về tên gọi của thể loại này. Đây là thể văn có diện mạo, vị thế và đặc điểm phức hợp, có nhiều dấu hiệu nhận dạng tương đồng với các thể loại khác. Khái niệm tản văn đã xuất hiện từ khá sớm trong các công trình nghiên cứu văn học nói chung và công trình nghiên cứu mang tính thể loại nói riêng. Mục từ “tản văn” xuất hiện độc lập trong các cuốn từ điển văn học, từ điển thuật ngữ văn học, từ điển thể loại của phương Đông, phương Tây và Việt Nam. Thực tiễn nghiên cứu và sáng tác cho thấy, tản văn thực sự là một thể loại văn xuôi có đặc điểm, vị thế riêng biệt và nhìn từ diễn trình thể loại, tản văn là thể loại văn học độc lập.

Từ khóa: Tản văn; Thể loại; Diễn trình văn học.